

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Số 18 -QĐ/TTNN-TH

QUYẾT ĐỊNH
về việc công nhận kết quả thi sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT
cơ bản, Đợt 2 năm 2025 tại Học viện

- Căn cứ Quyết định số 839-QĐ/HVCTQG ngày 06/3/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
- Căn cứ Quyết định số 6413-QĐ/HBCTT-ĐT ngày 16/12/2022 của Giám đốc Học viện về việc Ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
- Căn cứ Quyết định số 6029-QĐ/HVBCTT ngày 15/12/2020 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;
- Căn cứ vào thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Thông tin và truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ công nghệ thông tin; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- Căn cứ vào Kế hoạch số 2003 -KH/HVBCTT ngày 14/4/2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản Đợt 2 năm 2025.
- Căn cứ kết quả điểm thi chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản đợt 2 năm 2025 tại Học viện;

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả cho 266 thí sinh và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản cho 245 thí sinh có kết quả đạt trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản Đợt 2 năm 2025 tại Học viện (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các đồng chí Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Ban Giám đốc Trung tâm,
- Ban Tổ chức cán bộ,
- Lưu TTNN-TH

K/T GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Lữ Đăng Nhạc

*

KẾT QUẢ KỲ THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT 2 NĂM 2025 TẠI HỌC VIỆN; THI NGÀY 26/4/2025

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
1	001	2352010001	NGUYỄN HÀ AN	Nữ	19/4/2005	Hà Nội	Kinh	Ngôn ngữ Anh K43	4.75	5.0	Không đạt	
2	002	2252020052	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	13/4/2004	Thái Nguyên	Tày	Lớp Xây Dựng Đảng và CQNN K42A2	7.25	7.0	Đạt	
3	003	2251020006	TRẦN HÀ VÂN ANH	Nữ	22/02/2004	Tuyên Quang	Kinh	Kinh tế chính trị - K42	7.0	7.5	Đạt	
4	004	2256090004	TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/10/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K42	7.75	7.5	Đạt	
5	005	2152010003	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	08/02/2003	Hồ Chí Minh	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K41	6.0	6.5	Đạt	
6	006	2156030006	VŨ HÀ MAI ANH	Nữ	22/4/2003	Hải Phòng	Kinh	Lớp Ảnh Báo chí K41	7.75	8.0	Đạt	
7	007	2256140004	NGUYỄN LƯƠNG DIỆP ANH	Nữ	30/7/2004	Lạng Sơn	Tày	Lớp Quan hệ quốc tế và TTTC(CLC) K42	7.75	7.5	Đạt	
8	008	2255380004	LÊ NGỌC ANH	Nữ	10/12/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	8.0	7.5	Đạt	
9	009	2156140003	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	26/7/2003	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quan hệ Quốc tế - TTTC (CLC) K41	6.75	6.5	Đạt	
10	010	2353010009	PHẠM KIM ANH	Nữ	09/4/2005	Hà Tây	Kinh	Xã hội học K43	8.0	7.0	Đạt	
11	011	2255290001	ĐỖ THỊ KIM ANH	Nữ	29/3/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Kinh tế và Quản lý K42	5.25	6.5	Đạt	
12	012	2351050002	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	04/7/2005	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43 A1	6.25	9.0	Đạt	
13	013	2255370002	NGUYỄN YẾN ANH	Nữ	25/9/2003	Lạng Sơn	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	7.25	8.0	Đạt	
14	014	2256150058	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	24/01/2004	Hải Dương	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K42	5.0	7.5	Đạt	
15	015	2352010007	VŨ THỊ MINH ANH	Nữ	10/5/2005	Thanh Hóa	Kinh	Ngôn Ngữ Anh K43	4.25	6.0	Không đạt	
16	016	2352010005	PHẠM LAN ANH	Nữ	15/5/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K43	6.75	6.0	Đạt	
17	017	2352010006	TRẦN THẾ ANH	Nam	13/01/2005	Tuyên Quang	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K43	7.75	7.0	Đạt	
18	018	2156160005	VŨ NGỌC ANH	Nữ	08/7/2003	Hà Tây	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K41A1	7.25	6.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
19	019	2255280001	ĐÀO THỊ VÂN ANH	Nữ	02/10/2004	Hải Phòng	Kinh	Kinh tế và Quản lý CLC K42	7.0	9.0	Đạt	
20	020	2256110005	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	23/11/2004	Lạng Sơn	Tày	Lớp Quan hệ chính trị và TTQT K42	5.75	8.0	Đạt	
21	021	2151070002	NGUYỄN THỊ Á ANH	Nữ	02.01.2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Quốc tế K41	6.75	7.5	Đạt	
22	022	2252020004	NGÔ NGỌC ÁNH	Nữ	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và CQNN k42A1	6.25	8.0	Đạt	
23	023	2351050009	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	13/9/2005	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Truyền Thông Đại Chúng K43A1	6.25	8.0	Đạt	
24	024	2255370004	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	25/3/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	7.0	7.5	Đạt	
25	025	2255370006	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	21/12/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	5.0	5.5	Đạt	
26	026	2255320006	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	11/4/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Quản lý xã hội K42	7.0	5.5	Đạt	
27	027	2255320007	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	24/4/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý Xã hội K42	7.75	8.5	Đạt	
28	028	2258010005	NÔNG THỊ ÁNH	Nữ	05/9/2004	Cao Bằng	Tày	Lớp Biên tập xuất bản K42	7.75	7.5	Đạt	
29	029	2156160006	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	13/3/2003	Phú Thọ	Kinh	Lớp Truyền thông marketing K41 A1	6.25	6.5	Đạt	
30	030	2155320017	TRIỆU THỊ BÍCH	Nữ	16/4/2003	Cao Bằng	Nùng	Lớp Quản lý xã hội K41	6.0	8.0	Đạt	
31	031	2256150007	PHAN HẢI BÌNH	Nữ	23/7/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K42	5.75	5.0	Đạt	
32	032	2151020006	ĐÀO THANH BÌNH	Nam	09/3/2003	Nam Định	Kinh	Lớp Kinh tế Chính trị K41	6.75	9.0	Đạt	
33	033	2252020008	BÙI THÀNH CÔNG	Nam	18/11/2003	Hoà Bình	Mường	Xây dựng Đảng và CQNN K42-A1	3.25	0.0	Không đạt	
34	034	2258010007	MAI VŨ BẠCH CÚC	Nữ	26/7/2004	Nam Định	Kinh	Biên tập xuất bản K42	7.0	6.5	Đạt	
35	035	2255370007	NGÔ MINH CHÂU	Nữ	06/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hành chínhNN K42	7.5	6.0	Đạt	
36	036	2256150010	LÊ MAI CHI	Nữ	08/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K42	8.0	8.0	Đạt	
37	037	2153010014	NGUYỄN MAI CHI	Nữ	17/12/2002	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Xã Hội Học K41	6.75	6.0	Đạt	
38	038	2352010015	PHẠM MAI CHI	Nữ	14/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh k43	4.75	9.0	Không đạt	
39	039	2351100012	LÝ THỊ THUỶ DUNG	Nữ	15/7/2005	Bắc Kạn	Hoa	Quảng Cáo K43	6.5	6.0	Đạt	
40	040	2251100010	TRIỆU THUỶ DUNG	Nữ	21/11/2004	Lạng Sơn	Nùng	Lớp Quảng cáo K42	9.0	8.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
41	041	2253010010	VÔ THỊ BẢO DUYÊN	Nữ	16/3/2004	Ninh Thuận	Kinh	Lớp Xã hội học K42	8.0	9.0	Đạt	
42	042	2252010009	ĐINH THỊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	30/8/2004	Nam Định	Kinh	Ngôn ngữ Anh K42	5.0	6.5	Đạt	
43	043	2256060007	ĐẶNG CAO DƯƠNG	Nam	24/11/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quay phim truyền hình K42	7.25	9.0	Đạt	
44	044	2255290013	NGUYỄN THỊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	14/12/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Kinh tế và Quản lý K42	7.0	7.0	Đạt	
45	045	2250080011	LÊ THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	13/7/2004	Hà Tây	Kinh	Lớp Chủ nghĩa XHKH K42	5.75	6.0	Đạt	
46	046	2351050017	NGUYỄN THUỖ DƯƠNG	Nữ	16/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A1	7.0	8.5	Đạt	
47	047	1956110011	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	Nam	04/7/2001	Hải Dương	Kinh	Quan hệ chính trị và TTQT K39	6.25	5.0	Đạt	
48	048	2250080012	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	Nữ	26/10/2004	Hà Tây	Kinh	Lớp Chủ nghĩa XHKH K42	5.25	3.5	Không đạt	
49	049	2450100014	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Nam	12/8/2006	Nghệ An	Kinh	Lớp Lịch Sử Đảng K44	6.0	7.5	Đạt	
50	050	2351050013	HOÀNG THỊ ĐÀO	Nữ	13/01/2005	Hải Dương	Kinh	Truyền thông đại chúng A1 K43	6.75	9.5	Đạt	
51	051	2255300014	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	04/5/2004	Thanh Hóa	Kinh	Quản lý hoạt động TTVH K42	4.75	3.5	Không đạt	
52	053	2057080016	HOÀNG THU GIANG	Nữ	24/5/2002	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K40	7.0	6.0	Đạt	
53	054	2255370013	TRẦN VŨ NGÂN GIANG	Nữ	29/8/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	4.75	7.0	Không đạt	
54	055	2451040015	PHAN LÊ HÀ GIANG	Nữ	17/3/2006	Kiên Giang	Kinh	Lớp Truyền thông ĐPT K44A1	8.25	9.5	Đạt	
55	056	2256100012	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	28/8/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Thông tin đối ngoại K42	7.75	7.5	Đạt	
56	057	2356150016	LÊ THỊ THU GIANG	Nữ	01/7/2005	Hà Nam	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K43	6.25	9.5	Đạt	
57	058	2356040010	CHU THỊ GIANG	Nữ	19/10/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo Phát thanh K43	7.25	8.0	Đạt	
58	059	2255310016	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	18/6/2004	Hải Dương	Kinh	Lớp Chính trị phát triển K42	6.25	7.5	Đạt	
59	060	2153010020	VŨ THU HÀ	Nữ	08/9/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Xã hội học K41	6.0	8.0	Đạt	
60	061	2256100013	VŨ THU HÀ	Nữ	04/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Thông tin đối ngoại K42	7.75	8.5	Đạt	
61	062	2255320020	NGUYỄN VŨ NHẬT HẠ	Nữ	29/12/2004	Hải Phòng	Kinh	Quản lý xã hội K42	5.25	6.0	Đạt	
62	063	2255320018	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	29/3/2004	Hà Nội	Kinh	Quản lý xã hội K42	6.5	6.5	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
63	064	2156090016	NGUYỄN TRỌNG HẢI	Nam	06/7/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Bảo mạng điện tử CLC K41	8.5	7.0	Đạt	
64	065	2350010010	NGUYỄN VĂN HÀO	Nam	11/11/2005	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Triết K43	6.25	7.5	Đạt	
65	066	2256100015	LƯƠNG VÕ BÍCH HẰNG	Nữ	14/3/2004	Hà Nội	Nùng	Lớp Thông tin đối ngoại K42	6.75	8.0	Đạt	
66	067	2151020016	VŨ THỊ MINH HẰNG	Nữ	25/8/2003	Thái Bình	Kinh	Lớp Kinh tế Chính trị K41	6.75	8.0	Đạt	
67	068	2253010015	NÔNG THỊ THU HẰNG	Nữ	07/11/2004	Tuyên Quang	Tày	Lớp Xã Hội Học K42	3.75	8.0	Không đạt	
68	069	2351100020	TRỊNH MINH HẰNG	Nữ	15/4/2005	Hà Tây	Kinh	Quảng Cáo K43	8.0	7.5	Đạt	
69	070	2255380017	VŨ NGỌC HÂN	Nữ	08/5/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	6.75	8.5	Đạt	
70	071	2256060013	LÊ THỰC HÂN	Nữ	19/8/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quay Phim K42	5.75	7.0	Đạt	
71	072	2256060012	LÊ NGỌC BẢO HÂN	Nữ	13/9/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quay phim truyền hình K42	6.0	7.0	Đạt	
72	073	2155220014	TRẦN THU HẠNH	Nữ	02/10/2003	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Công tác tổ chức K41	5.25	6.5	Đạt	
73	074	2256110057	TRẦN PHAN THU HIỀN	Nữ	01/5/2004	Bình Định	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và TTQT K42	5.25	9.0	Đạt	
74	075	2255300022	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	31/5/2004	Quảng Ninh	Kinh	Quản lý hoạt động TTVH K42	6.0	7.0	Đạt	
75	076	2258010012	CÙ THU HIỀN	Nữ	01/6/2003	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K42	5.75	7.5	Đạt	
76	077	2253010017	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	09/02/2004	Hà Tây	Kinh	Lớp Xã hội học K42	6.75	8.0	Đạt	
77	078	2151020019	BÙI THỊ QUỲNH HOA	Nữ	10/3/2003	Vĩnh Phúc	Kinh	Kinh tế chính trị k41	5.75	4.5	Không đạt	
78	079	2256150020	LÝ DƯƠNG HOÀNG	Nam	22/02/2004	Thái Nguyên	Dao	Quan hệ CCCN K42	9.0	9.0	Đạt	
79	080	2050100024	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	11/9/2002	Hà Giang	Kinh	Lịch sử Đảng K40	8.25	6.5	Đạt	
80	081	2358010017	ĐÌNH QUANG HUY	Nam	01/10/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K43	6.75	6.0	Đạt	
81	082	2156150019	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	23/10/2002	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng K41	7.0	7.0	Đạt	
82	083	2153010029	ĐÀO THỊ HUYỀN	Nữ	28/12/2003	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Xã Hội Học K41	5.25	6.0	Đạt	
83	084	2255360020	TRIỆU THU HUYỀN	Nữ	05/11/2004	Lạng Sơn	Nùng	Lớp Chính sách công K42	5.0	6.5	Đạt	
84	085	2151020023	PHẠM THU HUYỀN	Nữ	15/02/2003	Lạng Sơn	Kinh	Kinh tế chính trị K41	6.25	6.5	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
85	086	2158010030	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	11/02/2003	Nam Định	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K41	8.0	8.0	Đạt	
86	087	2155380020	PHAN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	08/3/2003	Thái Bình	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K41	6.0	6.5	Đạt	
87	088	2255290018	NGÔ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	20/7/2004	Thái Bình	Kinh	Lớp Kinh tế và Quản lý K42	7.0	8.0	Đạt	
88	089	2255370019	TRƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	16/4/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Quản lý hành chínhNN K42	7.75	8.0	Đạt	
89	090	2450100026	ĐÀO THU HƯƠNG	Nữ	27/02/2006	Hà Tây	Kinh	Lịch sử Đảng K44	7.0	7.5	Đạt	
90	091	2250100023	LUU MAI HƯƠNG	Nữ	08/11/2004	Cao Bằng	Tày	Lịch sử Đảng K42	8.25	8.0	Đạt	
91	092	2156090020	TRẦN THU HƯƠNG	Nữ	10/9/2003	Hà Nam	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K41	6.75	6.5	Đạt	
92	094	2253010020	TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG	Nữ	21/7/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Xã Hội học K42	6.25	8.0	Đạt	
93	095	2156090021	LÊ THU HƯỜNG	Nữ	23/9/2003	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K41	5.25	7.5	Đạt	
94	096	2151020026	PHẠM THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	28/3/2003	Tuyên Quang	Kinh	Lớp Kinh tế Chính trị K41	5.75	6.5	Đạt	
95	097	2155350027	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	18/02/2003	Thanh Hoá	Kinh	Văn hoá phát triển K41	5.75	4.0	Không đạt	
96	098	2151020028	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	27/10/2003	Hà Nội	Kinh	Kinh tế chính trị K41	5.25	10	Đạt	
97	099	2350100018	LÙ VÂN KHÁNH	Nữ	14/4/2005	Sơn La	Thái	Lịch sử Đảng K43	8.0	8.0	Đạt	
98	100	2156050028	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	Nam	31/8/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Truyền Hình K41	6.25	6.0	Đạt	
99	101	2156140019	PHẠM ĐĂNG KHÔI	Nam	17/12/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ Quốc tế & TTTC K41	6.25	5.0	Đạt	
100	102	2351100025	NGUYỄN THIÊN LAM	Nữ	24/11/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quảng cáo K43	6.0	8.5	Đạt	
101	103	2151020030	NGUYỄN THỊ LAM	Nữ	14/02/2003	Nghệ An	Kinh	Lớp Kinh tế chính trị K41	7.75	8.5	Đạt	
102	104	2253010025	BÙI THỊ NGỌC LAN	Nữ	19/10/2004	Hải Dương	Kinh	Xã hội học K42	5.75	7.5	Đạt	
103	105	2051040025	NGUYỄN NHẬT LỆ	Nữ	26/02/2002	Thái Nguyên	Tày	Lớp Truyền thông ĐPT K40	7.0	5.0	Đạt	
104	269	2251070058	LẠI THỦY VY	Nữ	19/5/2004	Thái Bình	Kinh	Lớp Truyền thông Quốc tế K42	6.25	7.0	Đạt	
105	106	2352010027	BÙI VŨ THUYỀN	Nữ	24/05/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K43	6.25	7.5	Đạt	
106	107	2151020036	NGUYỄN THUYỀN LINH	Nữ	10/10/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Kinh Tế Chính Trị K41	4.0	0.0	Không đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
107	109	2255370023	ĐINH DIỆU LINH	Nữ	24/01/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Quản lý hành chínhNN K42	7.0	6.5	Đạt	
108	110	2255370026	NGUYỄN GIA LINH	Nữ	08/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hành chínhNN K42	7.0	7.0	Đạt	
109	111	2152010027	NGÔ PHƯƠNG LINH	Nữ	11/4/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K41	6.75	6.0	Đạt	
110	112	2156150025	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	04/02/2003	Thanh Hóa	Kinh	Quan hệ CCCN K41	8.25	7.5	Đạt	
111	113	2351070027	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	08/4/2005	Thái Nguyên	Kinh	Truyền thông Quốc tế K43	7.75	9.0	Đạt	
112	114	2055330017	VŨ GIA LINH	Nữ	24/11/2002	Hà Nội	Kinh	Lớp Tư tưởng Hồ Chí Minh K40	5.0	7.5	Đạt	
113	115	2352010030	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	17/4/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K43	8.25	9.5	Đạt	
114	116	2253010028	MAI PHƯƠNG LINH	Nữ	30/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Xã hội học K42	5.75	5.5	Đạt	
115	117	2255360024	PHẠM MAI NGỌC LINH	Nữ	14/01/2004	Kon Tum	Kinh	Lớp Chính sách công K42	5.75	7.0	Đạt	
116	118	2256150031	TRẦN THẢO LINH	Nữ	04/3/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K42	7.25	8.0	Đạt	
117	119	2353010033	LÊ TRẦN THÙY LINH	Nữ	20/9/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Xã hội học K43	5.75	6.0	Đạt	
118	120	2156150026	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	07/12/2003	Hung Yên	Kinh	Quan hệ CCCN K41	7.75	7.0	Đạt	
119	121	2156160020	NGUYỄN HUYỀN LINH	Nữ	12/11/2003	Thái Bình	Kinh	Truyền thông Marketing K41 A1	6.0	9.0	Đạt	
120	122	2356110026	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	26/9/2005	Hà Tĩnh	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và TTQT K43	8.0	9.0	Đạt	
121	123	2255310029	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	16/6/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Chính trị phát triển K42	5.25	6.5	Đạt	
122	124	2255370024	LƯU HUYỀN LINH	Nữ	27/02/2004	Hung Yên	Kinh	Quản lý hành chính NN k42	4.75	0.0	Không đạt	
123	125	2256160074	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	02/12/2003	Hà Nam	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K42A2	6.75	6.0	Đạt	
124	126	2256110023	LƯƠNG BÍCH MỸ LINH	Nữ	03/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ Chính trị TTQT K42	7.75	9.0	Đạt	
125	127	2253010027	LƯU GIA LINH	Nữ	23/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Xã Hội Học K42	5.25	8.0	Đạt	
126	128	2356150031	LƯU PHƯƠNG LINH	Nữ	14/7/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng K43	8.0	10	Đạt	
127	129	2451040027	LÊ THÙY LINH	Nữ	28/01/2006	Đồng Nai	Kinh	Lớp Truyền thông ĐPT K44A1	9.0	9.5	Đạt	
128	130	2250080026	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	21/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Chủ nghĩa XHKH K42	6.75	5.5	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
129	131	2250100032	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	23/9/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Lịch sử Đảng K42	8.0	8.0	Đạt	
130	132	2250100031	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	26/4/2004	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Lịch sử Đảng K42	5.75	7.0	Đạt	
131	133	2256020028	PHÙNG KHÁNH LINH	Nữ	05/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo In K42	6.0	6.0	Đạt	
132	134	2156020032	PHẠM MAI LINH	Nữ	24/9/2003	Hà Nội	Kinh	Báo In K41	8.25	5.5	Đạt	
133	135	2354030019	KHƯƠNG THỊ LINH	Nữ	16/12/2004	Hà Tây	Kinh	Quản lý công K43	6.5	0.5	Không đạt	
134	136	2156070037	VĂN GIA LINH	Nữ	12/10/2003	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử K41	8.0	6.0	Đạt	
135	137	2256090023	VŨ TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	25/8/2004	Hà Nội	Kinh	Báo mạng điện tử CLC K42	7.25	8.0	Đạt	
136	138	2352010033	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	Kinh	Ngôn ngữ Anh K43	6.75	7.0	Đạt	
137	139	2156030023	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	28/8/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Ảnh báo chí K41	6.75	6.0	Đạt	
138	140	2256090024	HỒ VĨNH BẢO LONG	Nam	22/10/2004	Nghệ An	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K42	8.0	6.5	Đạt	
139	141	2258010024	NGUYỄN THU LOAN	Nữ	28/8/2004	Hà Tây	Kinh	Biên tập xuất bản K42	6.5	8.0	Đạt	
140	142	2358010027	LÊ THỊ HUYỀN LƯƠNG	Nữ	13/02/2005	Nghệ An	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K43	8.75	9.5	Đạt	
141	143	2258010025	NGUYỄN DIỆU THẢO LY	Nữ	01/8/2004	Hà Tĩnh	Kinh	Biên tập xuất bản K42	6.75	6.5	Đạt	
142	144	2255300033	MA THỊ HƯƠNG LY	Nữ	02/5/2004	Thái Nguyên	Tày	Quản lý hoạt động TTVH K42	6.75	7.0	Đạt	
143	145	2256150034	BÙI THỊ KHÁNH LY	Nữ	25/9/2004	Hòa Bình	Mường	Quan hệ CCCN K42	7.5	6.0	Đạt	
144	147	2250080029	NGUYỄN TUYẾT MAI	Nữ	29/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Chủ nghĩa xã hội khoa học K42	4.75	5.5	Không đạt	
145	148	2152010031	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	07/4/2003	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K41	5.0	9.0	Đạt	
146	149	2256090027	NGHIÊM THỊ MAI	Nữ	02/5/2004	Hà Nội	Kinh	Báo mạng điện tử (CLC) K42	6.25	8.5	Đạt	
147	150	2255300034	NGUYỄN LÊ CHI MAI	Nữ	10/9/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hoạt động TTVH K42	7.75	6.5	Đạt	
148	151	2150080034	NGUYỄN HÀ MI	Nữ	10/9/2003	Hà Nội	Kinh	Sinh viên lớp CNXHKKH41	8.5	7.0	Đạt	
149	152	2352010036	PHẠM YẾN MI	Nữ	13/12/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K43	8.0	8.5	Đạt	
150	153	2256020029	VÕ THỊ HÀ MI	Nữ	08/5/2004	Thừa Thiên Huế	Kinh	Lớp Báo in K42	6.5	9.5	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
151	154	2256150038	VŨ HỮU MINH	Nam	10/7/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp QHCC chuyên nghiệp K42	5.75	8.0	Đạt	
152	155	2250100036	CẦN THỊ NGỌC MINH	Nữ	24/10/2004	Hoà Bình	Kinh	Lớp Lịch sử Đảng K42	7.0	8.0	Đạt	
153	157	2252020078	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	04/5/2004	Phú Thọ	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và CQNN A2 K42	7.75	7.0	Đạt	
154	158	2150080035	LÊ VŨ TRÀ MY	Nữ	09/10/2002	Thanh Hóa	kinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học k41	6.0	7.5	Đạt	
155	159	2151020040	NGUYỄN THỊ HOÀN MỸ	Nữ	20/4/2003	Bắc Giang	Kinh	Kinh tế chính trị K41	6.75	8.5	Đạt	
156	160	2255380033	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	07/11/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	7.75	9.5	Đạt	
157	161	2156090035	TRẦN ĐOÀN NAM	Nam	12/11/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K41	7.0	8.5	Đạt	
158	162	2156070042	PHAN LINH NGA	Nữ	27/5/2003	Hà Nội	Kinh	Báo mạng điện tử K41	5.0	8.5	Đạt	
159	163	2255290029	ĐẶNG THỊ THÚY NGÂN	Nữ	26/12/2004	Bình Dương	Kinh	Kinh tế và Quản lý K42	7.25	8.0	Đạt	
160	164	2351100034	LƯU KHÁNH NGÂN	Nữ	03/8/2005	Hải Dương	Kinh	Lớp Quảng cáo K43	4.75	8.0	Không đạt	
161	166	2150080038	TRƯƠNG HỒNG NGỌC	Nữ	15/12/2002	Hà Nội	Kinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học K41	7.25	8.5	Đạt	
162	167	2351050042	TRẦN HỒNG NGỌC	Nữ	07/9/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A1	6.25	8.5	Đạt	
163	168	2256150042	NGUYỄN CHÂU BẢO NGỌC	Nữ	29/6/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K42	5.75	9.5	Đạt	
164	169	2156030029	HOÀNG GIA ÁNH NGỌC	Nữ	16/3/2003	Thái Nguyên	Kinh	Lớp Ảnh Báo chí K41	5.25	7.5	Đạt	
165	170	2151050106	TRƯƠNG THỊ NGỌC	Nữ	08/6/2003	Nghệ An	Thổ	Lớp Truyền Thông Đại Chúng K41A2	5.25	7.5	Đạt	
166	171	2355370031	TRẦN ĐÌNH NGUYỆT	Nữ	28/01/2005	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K43	5.75	8.5	Đạt	
167	172	2351050045	TRẦN MAI NHI	Nữ	14/02/2005	Yên Bái	Tày	Truyền thông đại chúng K43A1	7.25	10	Đạt	
168	173	2255370032	ĐỖ THỊ NHI	Nữ	12/9/2004	Thái Bình	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	7.25	9.5	Đạt	
169	174	2252020082	PHẠM TUYẾT NHI	Nữ	11/6/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và CQNN K42 A2	7.25	8.0	Đạt	
170	175	2156050044	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	17/6/2003	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Báo Truyền hình K41	7.25	7.5	Đạt	
171	176	2256060032	LƯƠNG THỊ THUỶ NHIÊN	Nữ	10/5/2004	Quảng Trị	Kinh	Quay phim truyền hình k42	6.75	10	Đạt	
172	177	2253010040	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	28/8/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Xã hội học K42	7.75	9.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
173	178	2256150045	HOÀNG KIỀU OANH	Nữ	03/7/2004	Đồng Nai	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng K42	8.0	9.5	Đạt	
174	179	2251010042	DƯƠNG HỒNG PHÚC	Nữ	04/8/2004	Hải Dương	Kinh	Công tác xã hội K42	7.5	6.0	Đạt	
175	181	2255370036	ĐẶNG THU PHƯƠNG	Nữ	22/12/2004	Hà Giang	Dao	Lớp Quản lý hành chính NN K42	7.25	8.0	Đạt	
176	182	2255380039	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	27/3/2004	Hưng Yên	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	7.75	8.0	Đạt	
177	183	2355300039	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	11/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hoạt động TTVH K43	8.0	6.5	Đạt	
178	184	2255310043	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	15/9/2004	Quảng Bình	Kinh	Lớp Chính trị phát triển K42	7.0	9.0	Đạt	
179	185	2253010044	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/6/2004	Thái Bình	Kinh	Xã Hội Học K42	8.0	6.0	Đạt	
180	186	2351040043	VŨ THU PHƯƠNG	Nữ	12/10/2005	Nam Định	Kinh	Lớp Truyền thông ĐPT K43	7.75	10	Đạt	
181	187	2151020047	MAI LAN PHƯƠNG	Nữ	21/5/2003	Phú Thọ	Kinh	Kinh tế chính trị k41	7.0	7.0	Đạt	
182	188	2255370038	VŨ MINH PHƯƠNG	Nữ	22/5/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	5.25	7.5	Đạt	
183	189	2151050109	ĐINH THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	10/9/2003	Thái Bình	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K41A2	7.25	9.0	Đạt	
184	190	2256020037	SÙNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	16/7/2004	Điện Biên	Mông	Lớp Báo In K42	9.0	8.0	Đạt	
185	191	2152010042	LÝ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	17/7/2003	Lạng Sơn	Nùng	Lớp Ngôn ngữ Anh K41	7.0	5.0	Đạt	
186	192	2156110046	ĐÀM THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	30/7/2003	Hồ Chí Minh	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K41	6.25	7.0	Đạt	
187	193	2255280032	TRẦN HOÀI PHƯƠNG	Nữ	23/5/2004	Quảng Bình	Kinh	Lớp Kinh tế và quản lý (CLC) K42	7.0	9.5	Đạt	
188	194	2152010043	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	5/6/2003	Hải Dương	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K41	6.25	6.5	Đạt	
189	195	2256050040	NGUYỄN DUY QUANG	Nam	02/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo truyền hình K42	6.75	8.0	Đạt	
190	196	2451020035	VŨ TIẾN QUANG	Nam	17/4/2006	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Kinh tế chính trị K44	5.25	8.0	Đạt	
191	197	2256080038	HOÀNG NGỌC QUYÊN	Nữ	11/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Truyền hình CLC K42	7.25	8.0	Đạt	
192	198	2255370040	LÊ THỊ TRÚC QUỲNH	Nữ	03/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Quản lý hành chính NN K42	6.25	1.0	Không đạt	
193	199	1951050090	ĐỖ XUÂN SAN	Nam	23/11/2001	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Đại chúng K39A2	8.25	9.5	Đạt	
194	200	2258010043	NGUYỄN THỊ SONG	Nữ	26/9/2004	Nghệ An	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K42	6.0	7.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
195	201	2155310072	SOMBATIN SOUKALOUN	Nam	30/12/1987	LÀO	Lào	Lớp Chính trị phát triển K41A2	1.75	5.0	Không đạt	
196	202	2155380053	NGUYỄN THỊ MINH SƠN	Nữ	19/3/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K41	6.25	6.5	Đạt	
197	203	2256090039	VŨ DIỆU TÂM	Nữ	31/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K42	7.25	7.5	Đạt	
198	204	2256090044	PHAN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	22/12/2004	Quảng Bình	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLCK42	7.25	8.5	Đạt	
199	205	2253010051	NGUYỄN THỊ THUỶ TIÊN	Nữ	17/10/2004	Hà Nam	Kinh	Lớp Xã hội học K42	9.75	8.5	Đạt	
200	206	2256050050	PHẠM THANH TÚ	Nữ	26/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo truyền hình K42	7.0	9.5	Đạt	
201	207	2255380055	ĐOÀN THỊ KIM TÚ	Nữ	18/4/2004	Ninh Bình	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	8.0	6.0	Đạt	
202	208	2356150054	NGUYỄN THỊ ANH TÚ	Nữ	08/4/2005	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng K43	7.25	9.5	Đạt	
203	210	022189007493	ĐỖ THỊ TUYẾT	Nữ	20/10/1986	Thanh Hóa	Kinh	UBND huyện Hậu Lộc, TH	5.25	3.0	Không đạt	
204	211	2256050044	PHƯƠNG THÚY THANH	Nữ	16/4/2004	Lạng Sơn	Tày	Lớp Báo truyền hình K42	7.75	9.5	Đạt	
205	212	2351070044	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K43	8.75	9.0	Đạt	
206	213	2256110044	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/7/2004	Hà Tĩnh	Kinh	Quan hệ chính trị và TTQT K42	8.25	9.0	Đạt	
207	214	2152010056	PHAN PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/01/2002	Hà Tĩnh	Kinh	Sinh viên lớp Ngôn Ngữ Anh K41	7.25	8.5	Đạt	
208	215	2255370046	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	01/8/2004	Hải Dương	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K42	6.75	10	Đạt	
209	216	2354030037	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/9/2005	Hải Dương	Kinh	Quản Lý Công k43	5.25	6.5	Đạt	
210	218	2151040050	QUÁCH PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/9/2003	Thái Nguyên	Tày	Lớp Truyền thông đa phương tiện K41	7.75	9.5	Đạt	
211	219	2252020039	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/7/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và CQNN - K42A1	7.0	8.5	Đạt	
212	220	2356150048	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ CCCN K43	4.75	9.5	Không đạt	
213	221	2155350055	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/6/2003	Phú Thọ	Kinh	Văn hoá phát triển K41	6.75	6.0	Đạt	
214	222	2356060043	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/01/2005	Lào Cai	Kinh	Lớp Quay phim Truyền hình K43	5.75	7.5	Đạt	
215	223	2253010047	LÊ HỒNG THẨM	Nữ	13/10/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Xã hội học K42	8.25	6.5	Đạt	
216	224	2350010034	BÙI MINH THÊM	Nữ	29/01/2005	Thái Bình	Kinh	Lớp Triết k43	5.75	7.5	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
217	225	2255290040	TRẦN THỊ THIÊN	Nữ	12/01/2004	Hà Tĩnh	Kinh	Lớp Kinh tế và Quản lý k42	7.25	6.5	Đạt	
218	227	2251050100	BÙI THỊ ANH THƠ	Nữ	29/8/2004	Nam Định	Dân tộc Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K42A2	8.0	8.5	Đạt	
219	228	2251050101	MA THỊ THƠM	Nữ	18/3/2004	Bắc Kạn	Tày	Lớp Truyền thông đại chúng k42A2	7.0	8.5	Đạt	
220	229	2255370051	NGUYỄN NGỌC THUY	Nữ	07/8/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K42	6.75	9.5	Đạt	
221	230	2256050047	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	15/4/2004	Nghệ An	kinh	Báo truyền hình K42	5.75	8.5	Đạt	
222	231	2354030041	PHẠM ĐỖ THANH THÙY	Nữ	17/02/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Quản Lý Công	7.75	7.0	Đạt	
223	232	2456140041	NGUYỄN THỊ THU THÙY	Nữ	12/3/2006	Hải Dương	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế & TTTC K44	8.0	8.5	Đạt	
224	233	2151050053	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	21/3/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K41.1	5.0	9.0	Đạt	
225	234	2255370050	NGUYỄN THU THÚY	Nữ	30/9/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K42	8.0	7.0	Đạt	
226	235	2351100045	BÙI THỊ KIM THU	Nữ	22/6/2005	Vĩnh Phúc	Kinh	Lớp Quảng cáo K43	6.75	6.0	Đạt	
227	236	2250100047	TRẦN THỊ THU	Nữ	20/01/2004	Thái Bình	Kinh	Lớp Lịch sử Đảng K42	8.0	7.0	Đạt	
228	237	2350010036	HÀN GIA THƯƠNG	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	Kinh	Triết học K43	7.75	7.0	Đạt	
229	238	2351100046	TRƯƠNG THỊ THANH TRÀ	Nữ	08/9/2005	Quảng Nam	Kinh	Lớp Quảng cáo K43	6.25	9.0	Đạt	
230	239	2255310061	DƯƠNG THỊ THU TRÀ	Nữ	05/10/2004	Lạng Sơn	Tày	Lớp Chính trị phát triển K42	8.0	7.5	Đạt	
231	240	2256140042	HỒ TRẦN QUỲNH TRANG	Nữ	06/9/2004	Khánh Hòa	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế & TTTC K42 (CLC)	7.0	8.5	Đạt	
232	241	2156030046	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	19/9/2003	Nam Định	Kinh	Ảnh báo chí K41	5.25	6.0	Đạt	
233	242	2255300053	NGUYỄN THUY TRANG	Nữ	21/5/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý Hoạt động TTVH K42	6.75	6.0	Đạt	
234	243	2256100049	PHẠM THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	28/9/2004	Hà Nội	Kinh	Thông tin đối ngoại K42	8.0	9.0	Đạt	
235	244	2255280038	PHẠM THỊ MINH TRANG	Nữ	08/8/2004	Hải Phòng	Kinh	Kinh tế và quản lý (CLC) K42	6.25	9.0	Đạt	
236	052	2151010015	TRƯƠNG VĂN ĐẠT	Nam	17/9/2003	Nghệ An	Thổ	Công tác xã hội K41	5.25	7.5	Đạt	
237	245	2255380048	ĐẶNG HUYỀN TRANG	Nữ	28/12/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	7.25	9.0	Đạt	
238	246	2255380050	MÃN THỊ HUỆ TRANG	Nữ	21/6/2004	Bắc Ninh	Kinh	Truyền thông chính sách K42	5.75	8.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
239	247	2252020093	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	7/7/2004	Hà Giang	Kinh	Xây dựng đảng K42A2	6.75	5.5	Đạt	
240	248	21111105767	QUAN NÔNG THU TRANG	Nữ	23/7/2003	Cao Bằng	Tày	ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	4.25	3.5	Không đạt	
241	249	2253010053	TẠ VÂN TRANG	Nữ	17/01/2004	Hà Tây	Kinh	Lớp Xã hội học K42	6.75	7.0	Đạt	
242	250	2154030071	PHẠM THUỶ TRANG	Nữ	19/9/2002	Nghệ An	Kinh	Quản Lý Công K41	8.0	7.0	Đạt	
243	251	2256160087	TRẦN THỊ NINH TRANG	Nữ	27/6/2004	Hải Dương	kinh	Lớp Truyền thông Marketing K42A2	7.0	6.0	Đạt	
244	252	2356020050	BÙI THỊ THANH TRANG	Nữ	09/9/2005	Nam Định	Kinh	Báo in K43	9.0	9.0	Đạt	
245	253	2255300054	CHU NGỌC TRINH	Nữ	04/12/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hoạt động TTVH K42	7.25	8.0	Đạt	
246	254	2255380054	NGUYỄN THỊ TRÚC	Nữ	18/01/2004	Nam Định	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	6.75	7.0	Đạt	
247	255	2358010055	ĐOÌ THỊ THANH TRÚC	Nữ	03/6/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K43	7.25	6.5	Đạt	
248	256	2151020068	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	22/10/2003	Thái Nguyên	Tày	Kinh tế chính trị K41	8.0	8.0	Đạt	
249	257	1956110048	MAI ANH TRUNG	Nam	11/8/2001	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và TTQT k39	6.75	5.5	Đạt	
250	258	2255300058	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	06/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hoạt động TTVH K42	6.25	6.5	Đạt	
251	259	2255320054	CAO KHÁNH VÂN	Nữ	23/3/2004	Nghệ An	Kinh	Quản lý xã hội K42	5.75	7.0	Đạt	
252	260	2154030074	ĐẬU THỊ HẢI VÂN	Nữ	02/01/2003	Hà Tĩnh	Kinh	Lớp Quản lý công K41	6.25	6.5	Đạt	
253	261	2255290053	LƯƠNG HỒNG HẢI VÂN	Nữ	14/10/2004	Hải Phòng	Kinh	lớp kinh tế và quản lý k42	6.75	7.5	Đạt	
254	262	2255370057	LƯƠNG THỊ THU VÂN	Nữ	09/7/2004	Tuyên Quang	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K42	6.25	9.5	Đạt	
255	263	2255320053	BÙI THANH VÂN	Nữ	08/10/2004	Hà Nội	Kinh	Quản lý xã hội K42	5.75	6.0	Đạt	
256	264	2356060050	TRỊNH LÊ VI	Nữ	12/9/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quay phim Truyền hình K43	6.25	8.0	Đạt	
257	265	2255370058	LÊ THỊ HUYỀN VI	Nữ	11/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K42	5.0	6.5	Đạt	
258	266	2251040055	NÔNG THẾ VINH	Nam	26/02/2004	Hà Giang	Tày	Truyền thông Đa phương tiện K42	6.0	8.5	Đạt	
259	267	2351100050	ĐẶNG THỊ HÀ VY	Nữ	30/01/2005	Hưng Yên	Kinh	Lớp Quảng Cáo K43	6.0	7.0	Đạt	
260	268	2252020050	NGUYỄN HẠ VY	Nữ	07/01/2004	Hải Dương	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và CQNN K42A1	6.75	7.5	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/Đơn vị CT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	Ghi chú
261	270	2255320056	LẠI THẢO VY	Nữ	26/7/2004	Hà Nam	Kinh	Lớp Quản lý xã hội K42	4.0	6.0	Không đạt	
262	271	2351050059	MA THỊ XINH	Nữ	05/8/2005	Lao Cai	H'Mông	Lớp Truyền thông đại chúng K43A1	7.75	9.0	Đạt	
263	272	2154030075	LÂM THỊ XUÂN	Nữ	02/02/2003	Bắc Giang	Nùng	Quản lý công k41	7.0	7.5	Đạt	
264	273	2154030076	LÊ THỊ XUÂN	Nữ	26/7/2003	Hà Nam	Kinh	Lớp Quản Lý Công K41	7.0	6.5	Đạt	
265	274	2258020058	ĐIỀU THỊ HÀI YÊN	Nữ	03/7/2003	Sơn La	Thái	Lớp Xuất bản điện tử K42	7.75	6.5	Đạt	
266	275	2256060045	NGUYỄN THỊ HỒNG YÊN	Nữ	29/01/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Quay phim truyền hình K42	6.0	7.5	Đạt	

Tổng số thí sinh dự thi: 266
TỔNG SỐ THÍ SINH ĐẠT: 245
TỔNG SỐ THÍ SINH KHÔNG ĐẠT: 21

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Lữ Đăng Nhạc